TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HS-ST
Ngày 20-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Bé**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Thanh Dung**

Ông **Nguyễn Tấn Quang**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5-Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Bà **Đặng Thị Thanh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Đà Nẵng tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 87/2026/TLHS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Võ Đăng T**, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Võ Đăng N và bà Ngô Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 15/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đà Nẵng.

2. **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối phố P, phường Q, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn O và bà Nguyễn Thị A; bị cáo có chồng là Trần Quang H, sinh năm 2000 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 15/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Đoàn Công T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Phan Thanh H, sinh năm 1978; địa chỉ: Khối phố 2, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Lý Thị Thu H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4/ Nguyễn Khánh T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Khối phố Đ, phường B, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5/ Nguyễn Minh A, sinh năm 2007; địa chỉ: Tổ 104 phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 20/7/2025, Võ Đăng T và Đoàn Công T1 (sinh năm 1994, trú thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng) sau khi đi đám cưới xong thì rủ nhau tới quán Karaoke 9999 ở số 120 Lý Thường Kiệt, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng do Phan Thanh H (sinh năm 1978, trú Khối phố 2, phường H, TP. Đà Nẵng) làm chủ để thuê phòng hát karaoke. Cả hai được quán bố trí hát tại phòng số 6 tầng 3. Khi vào quán, T yêu cầu gọi thêm nhân viên nữ vào phục vụ. Sau đó, có Nguyễn Thị Tường V vào phòng và đến ngồi bên T1, một lúc sau có Lý Thị Thu H (sinh năm 1997, trú thôn L, xã C, thành phố Đà Nẵng) vào phòng và đến ngồi bên T. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, trong quá trình hát karaoke, T nảy sinh ý định sử dụng ma túy thuốc lắc nên rủ T1 tham gia. Một lát sau, T đi ra ngoài gặp một nam nhân viên phục vụ của quán (không rõ nhân thân lai lịch) và hỏi mua 02 viên thuốc lắc. Người này đồng ý, báo giá 1.000.000 đồng và T đưa số tiền 1.000.000 đồng cho người này. Một lúc sau, người nam này mang 02 viên thuốc lắc được gói trong giấy ăn mang lên phòng đưa cho T. T lấy một viên thuốc lắc bẻ ra làm đôi, sử dụng nửa viên, phần còn lại T để xuống bàn mục đích để ai sử dụng thì lấy. T1 thấy ma túy trên bàn nên bẻ ra một ít để sử dụng rồi ngồi nghe nhạc. V lấy nửa viên ma túy sử dụng và đưa cho H nửa viên để sử dụng.

Sau khi sử dụng hết ma túy, cả nhóm ngồi nghe nhạc đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/7/2025 thì nghỉ xuống tính tiền. T1 đưa cho T 1.000.000 đồng để góp tiền trả tiền phòng karaoke. Lúc 23 giờ 50 phút cùng ngày, Tổ công tác Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp với Công an phường Tam Kỳ tiến hành kiểm tra hành chính quán karaoke 9999. Tại thời điểm kiểm tra, phát hiện Võ Đăng T và Lý Thị Thu H đang đứng tính tiền tại quầy lễ tân của quán có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành mời làm việc và test nhanh chất ma túy trong cơ thể. Tổ công tác tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc; còn V và T1 đã rời khỏi hiện trường, sau đó mới được Cơ quan điều tra mời lên làm việc.

- Theo kết luận giám định số 631/KL-KTHS ngày 05/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: trong mẫu nước tiểu ghi thu

của Võ Đăng T (ký hiệu T) gửi giám định có tìm thấy chất ma túy loại MDMA và Katemine. Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lý Thị Thu H (ký hiệu H) và Nguyễn Thị Tường V (ký hiệu V) gửi giám định đều có tìm thấy chất ma túy loại MDMA và các chất Norketamine, Dehydronorketamine là các sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Katemine.

-Theo kết luận giám định số 654/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: không tìm thấy chất ma túy trong mẫu nước tiểu thu giữ của Đoàn Công T1 trong chai nhựa niêm phong ký hiệu T gửi giám định.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM- A750 GN/DS, Imei 1: 353465100581576, Imei 2: 353466100581574, gắn sim số 0395125285 (pass: 039123), máy đã qua sử dụng và bị bể phần sau của điện thoại; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei: 353989108631323 .

Cáo trạng số 51/CT-VKSDNG-KV ngày 06/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng truy tố bị cáo Võ Đăng T về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tường V về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Đăng T và Nguyễn Thị Tường V phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Căn cứ:

+ Bị cáo Võ Đăng T: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Tường V: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng vụ án.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Tại phiên toà, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Chiều ngày 20/7/2025, bị cáo Võ Đăng T và Đoàn Công T1 rủ nhau đến quán Karaoke 9999 tại số Lý Thường Kiệt, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng để thuê phòng hát Karaoke và được bố trí hát tại phòng số 6 tầng 3 của quán. Sau đó T yêu cầu 02 nhân viên phục vụ thì có Nguyễn Thị Tường V và Lý Thị Thu H vào tại phòng số 6, tầng 3 của quán để phục vụ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định sử dụng ma tuý và rủ T1 tham gia, T liên hệ với nam nhân viên phục vụ quán và mua của người này 02 viên thuốc lắc với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua được 02 viên thuốc lắc T lấy một viên ma túy bẻ làm đôi, sử dụng nửa viên, còn lại để trên bàn mục đích ai sử dụng thì lấy. Nguyễn Thị Tường V lấy nửa viên ma tuý sử dụng và đưa cho Lý Thị Thu H nửa viên ma túy để sử dụng. Lúc 23 giờ 50 phút cùng ngày, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke, phát hiện T và H có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành mời làm việc. Khi này V và T1 đã rời khỏi hiện trường, sau đó được Cơ quan Điều tra mời lên làm việc.

Theo Kết luận giám định số 631/KL-KTHS ngày 05/8/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng: Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Võ Đăng T gửi giám định có tìm thấy chất ma tuý MDMA và Ketamine. Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lý Thị Thu H và Nguyễn Thị Tường V gửi giám định đều có tìm thấy các chất ma tuý loại MDMA và các chất Norketamine, Dehydronorketamine là các sản phẩm chuyển hoá của chất ma tuý Ketamine;

Hành vi trên của bị cáo Võ Đăng T đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung *"Đối với 02 người trở lên"*. theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Tường V đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, vi

phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt vui chơi của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nhiều tác hại đến sức khỏe con người, làm lan tràn nạn nghiện ngập và còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo nói riêng và góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy nói chung.

[2.3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho cả hai bị cáo khi lượng hình.

[2.5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo Võ Đăng T, Nguyễn Thị Tường V còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đến 500 triệu. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy hành vi phạm tội của các bị cáo không thu lợi, các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Xử lý vật chứng trong vụ án; vấn đề liên quan khác:

- Xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-A750 GN/DS Imei 1: 353465100581576, Imei 2: 353466100581574 gắn sim số 0395125285, máy đã qua sử dụng và bị bể phần sau của điện thoại thu giữ của bị cáo Võ Đăng T là tài sản cá nhân của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Tiến là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei 35398910863123 bị cáo Võ Đăng T lấy tại quầy tính tiền của quán Karaoke 9999 có hình nền của Đoàn Công T1 trên điện thoại, khi đó không có mặt T1 tại hiện trường nên T giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định là phù hợp.

- Vấn đề liên quan khác:

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Đoàn Công T1: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Võ Đăng T1 khai khi Tiến nảy sinh ý định sử dụng ma túy, T rủ T1 tham gia thì T1 không nói gì, T nghĩ Tuấn đồng ý; sau đó T tự chủ động ra ngoài gặp nam nhân viên mua ma túy và đưa cho người này 1.000.000 đồng; T chưa trao đổi với T1 về việc trả tiền mua ma túy như thế nào, T nghĩ khi tính tiền thì chia ra. Còn Nguyễn Thị Tường V khai T1 là người đã đưa cho V nửa viên ma túy để sử dụng và nhờ V đưa nửa viên ma túy cho Lý Thị Thu H sử dụng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đoàn Công

T1 khai trong quá trình hát karaoke, T có rủ T1 mua ma túy thuốc lắc để sử dụng nhưng T1 từ chối vì ngày mai T1 phải đi làm ở Quảng Ngãi, nhưng sau đó T vẫn mua 02 viên thuốc lắc để trên bàn trong phòng, vì tò mò nên T1 đã bẻ ra một ít để sử dụng rồi ngồi nghe nhạc, còn T và 02 nhân viên nữ làm gì thì T1 không biết. Việc T1 góp 1.000.000 đồng cho T là để trả tiền phòng karaoke, không phải góp tiền mua ma túy, T1 không biết T mua ma túy của ai và mua bao nhiêu tiền. T1 không đưa ma túy cho V sử dụng và không yêu cầu V đưa ma túy cho H sử dụng. Trong quá trình ngồi hát karaoke, V không nghe T và T1 trao đổi nội dung gì liên quan đến việc sử dụng ma túy, V không biết ai đem ma túy vào phòng. T và H không thấy ai đưa ma túy cho V, ngoài lời khai của V thì không ai thấy T1 đưa ma túy cho V và yêu cầu V đưa ma túy cho H. Trong quá trình điều tra, T1 không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu làm gì không rõ. Qua đối chất tại phiên tòa, T1 không thừa nhận có hành vi đưa ma túy cho Nguyễn Thị Tường V và nhờ V đưa lại cho Lý Thị Thu H, do đó, chưa đủ chứng cứ để khởi tố đối với Đoàn Công T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Đoàn Công T1 thụ lý thành nguồn tin riêng, để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lý Thị Thu H là người thụ hưởng, không có vai trò, hành vi gì trong việc tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 20/7/2025. Theo kết quả xét nghiệm nước tiểu của H cho kết quả dương tính với ma túy nhưng qua xác minh tại địa phương, H không nằm trong diện quản lý theo Điều 256a Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với H là phù hợp. Tuy nhiên hành vi này của H đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định.

Đối với Phan Thanh H chủ cơ sở kinh doanh karaoke 9999: vào đêm 20/7/2025, H đi lái xe ở tỉnh Gia Lai, khi Công an đến kiểm tra H không có mặt tại quán. Bản thân H cũng thường xuyên quán triệt nhân viên không để khách sử dụng ma túy tại cơ sở kinh doanh. Việc khách sử dụng ma túy trong phòng hát H không biết. H cũng không yêu cầu nhân viên cung cấp ma túy, dụng cụ cho các đối tượng sử dụng ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý. Tuy nhiên, bản thân H là chủ cơ sở kinh doanh đã để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý, đã vi phạm điểm a khoản 4 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Vì vậy, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Thanh H về hành vi thiếu trách nhiệm trong việc quản lý cơ sở kinh doanh, để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Khánh T (sinh năm 1995, trú khối phố Đông Yên, phường Bàn Thạch, TP. Đà Nẵng) và Nguyễn Minh A (sinh năm 2007, trú Tổ 104 phường Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng) là hai nhân viên phục vụ của quán vào

ngày 20/7/2025. Qua làm việc xác định, nhân viên chỉ phục vụ mang nước, bia và đồ ăn lên phòng cho khách rồi đi xuống, sau đó không lên phòng nữa nên không biết khách sử dụng ma túy trong phòng, đồng thời không cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho khách. Do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Võ Đăng T, qua làm việc, Võ Đăng T khai lần đầu gặp, không biết nhân thân, lai lịch của người này; đồng thời lúc đó đèn mờ, Tiến đã sử dụng rượu bia nên không nhìn rõ mặt người này. Cơ quan điều tra đã cho Tiến nhận dạng các nhân viên trong quán nhưng Tiến không nhận ra ai là người đã bán ma túy cho Tiến vào tối 20/7/2025. Vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, xử lý theo quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với nhân viên tên T mà Nguyễn Thị Tường V khai có thấy T và Đoàn Công T1 nói chuyện với người này. Qua làm việc, V không biết nhân thân lai lịch của người này, V nghe mọi người gọi tên T1 thì V gọi theo. Tuy nhiên, tại quán karaoke 9999 không có nhân viên nào tên T1. Cơ quan điều tra đã cho V nhận dạng các nhân viên trong quán nhưng V không nhận ra ai. Do đó không có cơ sở để điều tra, xác minh làm việc với người tên T1 này nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Đăng T và Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Võ Đăng T** phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt bị cáo Võ Đăng T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 15/10/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 15/10/2025.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên:

Trả lại cho bị cáo Võ Đăng T 01 điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu mãy SM-A750 GN/DS Imei 1: 353465100581576, Imei 2: 353466100581574 gắn sim số 0395125285, máy đã qua sử dụng và bị bể phần sau của điện thoại.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 08/4/2026)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Đăng T và Nguyễn Thị Tường V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Công T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng.
- VKSND KV5-Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 5-Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phân trại Tạm giam KV Tam Kỳ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Bé